



THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở NHẬT BẢN VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

- PGS.TS TRẦN THỊ KIM ANH¹
- TS TRẦN TÚ UYÊN²

Thuế thu nhập doanh nghiệp được đánh giá là công cụ quản lý và điều tiết nền kinh tế hiệu quả, góp phần đảm bảo ngân sách nhà nước, đảm bảo tính công bằng của xã hội thông qua nghĩa vụ thuế. Các chương trình cải cách về thuế của Việt Nam đều hướng tới hoàn thiện theo hướng giảm mức thuế suất, giảm diện miễn thuế, giảm thuế; thống nhất mức thuế suất và ưu đãi thuế giữa các thành phần kinh tế để khuyến khích đầu tư và đảm bảo bình đẳng trong cạnh tranh. Nhật Bản là một trong những quốc gia có nền kinh tế phát triển và vượt bậc, do vậy, việc xây dựng và áp dụng các chính sách về thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhật Bản cũng có từ rất sớm. Trải qua nhiều năm mới có thể hoàn thiện được chính sách về loại thuế này thì hiện nay, việc thực thi hiệu quả luật thuế thu nhập doanh nghiệp ở Nhật Bản đã đạt được những thành tựu đáng kể. Chính vì vậy, việc nghiên cứu thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhật Bản và đề xuất các giải pháp cho Việt Nam là việc làm cần thiết trong kỷ nguyên vươn mình của Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Thuế thu nhập doanh nghiệp, Việt Nam, Nhật Bản, chủ thể nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thuế suất, miễn giảm thuế, quản lý thuế.

^{1,2}Khoa Kế toán - Kiểm toán, Đại học Ngoại thương

Japan's Corporate income tax and lessons for Vietnam

Corporate income tax (CIT) plays a crucial role as an instrument for managing and regulating national economic activities. In Vietnam, CIT not only contributes to maintaining the stability of the state budget but also upholds social equity through the fulfillment of tax obligations. Over recent decades, Vietnam's tax reform initiatives have focused on enhancing the system by lowering tax rates, reducing tax exemptions, and harmonizing tax incentives across different economic sectors. These reforms are designed to stimulate investment, ensure competitive neutrality, and promote sustainable economic growth. Japan, as one of the world's leading and most advanced economies, established its corporate income tax framework relatively early. Through continuous policy adjustments and improvements, Japan has achieved remarkable effectiveness in the enforcement of corporate income tax laws. The success of Japan's tax system provides valuable insights for developing economies such as Vietnam, where improving tax efficiency and equity remains a national priority. Therefore, conducting a comparative analysis of Japan's corporate income tax system and proposing relevant policy recommendations for Vietnam is both timely and necessary in the context of Vietnam's current phase of global economic integration and development.

Keywords: Corporate income tax (CIT), Vietnam, Japan, taxpayers, taxable income, tax rates, tax exemptions and reductions, tax administration.

JEL classification: H25, F65, H20

Nhật Bản là một trong những quốc gia có nền kinh tế phát triển vượt bậc, do vậy, việc xây dựng và áp dụng các chính sách về thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhật Bản cũng có từ rất sớm. Trải qua nhiều năm mới có thể hoàn thiện được chính sách về loại thuế này thì hiện nay, việc thực thi hiệu quả luật thuế thu nhập doanh nghiệp ở Nhật Bản đã đạt được những thành tựu đáng kể. Hơn nữa, hiện nay, mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Nhật Bản ngày càng được tăng cường và mở rộng trên nhiều lĩnh vực. Biểu hiện cho sự hợp tác trong lĩnh vực cải cách tư pháp và pháp luật là sự ra đời của Dự án cải cách hệ thống tư pháp và pháp luật (JICA) ở Việt Nam do Nhật Bản đầu tư và hỗ trợ chuyên gia. Thực tế cho thấy, pháp luật Việt Nam đang có những tiếp thu kinh nghiệm và thành tựu trong công cuộc xây dựng pháp luật nói chung và hoàn thiện luật thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng từ đất nước mặt trời mọc.

1. Tổng quan

Kỳ tính thuế: Theo Điều 21 Luật Thuế thu nhập pháp nhân thì kỳ tính thuế được xác định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.

Đối tượng thuộc thu nhập chịu thuế: Các loại thu nhập ở Nhật Bản bao gồm: Thu nhập hằng năm;

thu nhập liên kết trong các năm; Quỹ tiền hưu và thôi việc và thu nhập từ thanh lý.

Các tính thu nhập chịu thuế:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Tổng lợi nhuận} - \text{Chi phí được trừ}$$

Lợi nhuận là khoản thu được trong hoạt động kinh doanh trừ lợi nhuận phát sinh từ giao dịch vốn, còn chi phí là khoản chi phí, tổn thất, giá đầu vào ngoài các chi phí liên quan đến giao dịch vốn.

Nhật Bản không đánh thuế đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh liên quan đến pháp nhân trong nước là pháp nhân thông thường và hợp tác xã đang trong quá trình thanh lý, không đánh thuế đối với thu nhập thanh lý và thu nhập hằng năm đối với thu nhập phi lợi nhuận và thu nhập thanh lý của doanh nghiệp công ích và tổ chức không có tư cách pháp nhân.

Đối với công ty gia đình, ngoài thuế pháp nhân đối với thu nhập trong năm tài chính thì còn phải đóng thuế đặc biệt đối với thu nhập để lại khi vượt quá một mức nhất định (Điều 67). Lý do đánh thuế này là do công ty vừa chịu thuế pháp nhân nhưng giám đốc cũng nhận tiền lương, nếu so sánh với

hoạt động kinh doanh của cá nhân thì thu nhập của công ty gia đình sẽ ít hơn. Bởi vì giám đốc khi nhận được thu nhập vẫn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân nhưng theo Luật Thuế thu nhập cá nhân thì cá nhân còn được khấu trừ thuế cơ bản, bởi vậy, có thể thấy sự không công bằng trong đánh thuế giữa cá nhân kinh doanh và cá nhân sử dụng hình thức công ty gia đình để kinh doanh. Do đó, quy định mới này thực chất là đưa khoản cá nhân giám đốc được khấu trừ vào phần chịu thuế thu nhập pháp nhân.

Đối với pháp nhân trong nước phải có nghĩa vụ nộp những khoản thuế sau: thu nhập pháp nhân, thu nhập từ thanh lý và thu nhập liên quan đến hoạt động tín thác, thu nhập từ quỹ thôi việc hằng năm.

Cũng tương tự với pháp nhân trong nước, pháp nhân nước ngoài cũng bị đánh thuế đối với thu nhập phát sinh trong nước, pháp nhân công ích nước ngoài và tổ chức không có tư cách pháp nhân nước ngoài không bị đánh thuế đối với thu nhập phi lợi nhuận. Pháp nhân tín thác nước ngoài cũng chịu thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh, từ hoạt động tín thác và quỹ lương hưu, thôi việc.

Nhật Bản áp dụng phương thức tránh đánh thuế hai lần đối với một khoản thu nhập. Trong trường hợp doanh nghiệp có thu nhập đã bị đánh thuế ở nước ngoài thì khoản thuế này được khấu trừ khi thu nhập này mang trở về Nhật Bản.

Việc xác định thu nhập chịu thuế dựa trên

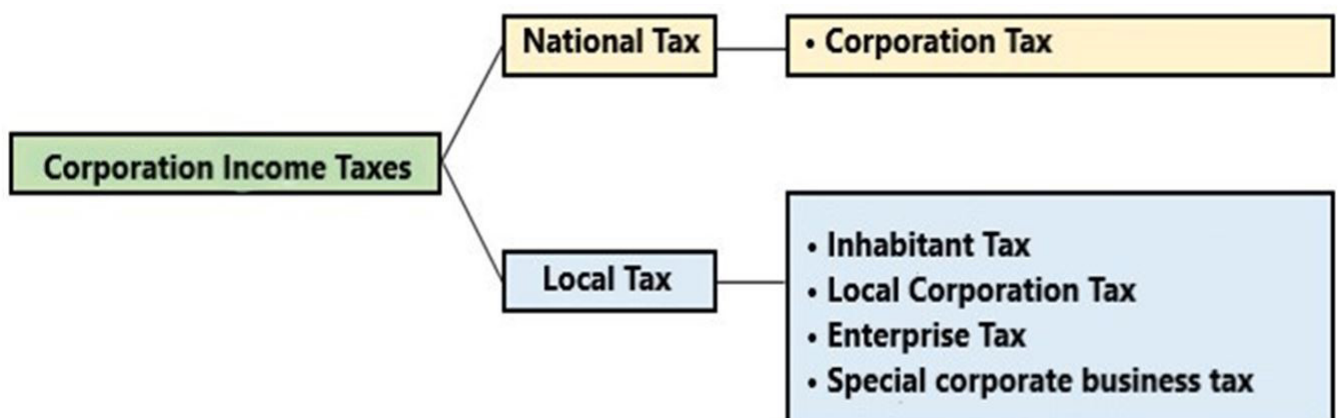
nguyên tắc đánh thuế công bằng, pháp luật thuế thu nhập pháp nhân có các quy định đặc thù liên quan đến tính lợi nhuận: Không tính vào doanh thu khoản lợi tức nhận được (Điều 23); Không tính tiền hoàn thuế trong doanh thu (Điều 26); Không tính vào doanh thu khoản thu nhập để lại của công ty con ở nước ngoài (Điều 66); Không tính khoản chi phí khoản tiền thôi việc của người quản lý quá lớn và tiền thưởng, khoản thù lao của người quản lý quá lớn (Điều 34, 35, 36); Không tính vào chi phí tiền đóng góp (Điều 37); Không tính vào chi phí khoản thuế của pháp nhân (Điều 38); Không tính vào chi phí theo quy định về quản lý chuyển giá (Điều 66); Tính vào chi phí khoản tổn thất liên quan đến chênh lệch bảo hiểm (Điều 49).

Các quy định về thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là mức thuế mà doanh nghiệp phải nộp trên một đơn vị khối lượng chịu thuế. Tỷ lệ thuế suất dựa trên khối lượng thu nhập hay tài sản chịu thuế (đơn vị: %)

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: Hiện tại, thuế suất doanh nghiệp phổ thông ở Nhật Bản là 30,62%. Ở Nhật Bản, có một điều quan trọng là các loại thuế địa phương (thuế doanh nghiệp địa phương, thuế doanh nghiệp, thuế cư trú, và thuế phụ đặc biệt của doanh nghiệp địa phương) được đánh cùng với thuế doanh nghiệp quốc gia. Nghĩa là, chúng ta cũng cần kiểm tra thuế suất địa phương để tính tổng thuế suất doanh nghiệp.

Hình 1: Sơ đồ về thuế suất thu nhập doanh nghiệp ở Nhật Bản



Nguồn: shimada-associates.com

Thuế doanh nghiệp địa phương quốc gia (National local corporate tax): Thuế doanh nghiệp địa phương quốc gia cho các năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/4/2023 là thuế suất cố định 10,3% trên nghĩa vụ thuế doanh nghiệp.

Thuế doanh nghiệp (enterprise tax) và thuế doanh nghiệp đặc biệt (special corporate business tax): Thuế doanh nghiệp được tính theo nhiều cách khác nhau tùy thuộc vào nguồn vốn của người nộp thuế. Đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, thuế doanh nghiệp chỉ được tính dựa trên thu nhập của người nộp thuế. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp lớn, việc tính toán cũng sẽ đề cập đến cơ sở vốn của người nộp thuế và “cơ sở giá trị gia tăng” (sẽ bao

gồm các hạng mục như chi phí nhân sự và tiền thuê nhà). Vì vậy, doanh nghiệp lớn thua lỗ vẫn có thể phải nộp thuế doanh nghiệp.

Tỷ lệ doanh nghiệp tiêu chuẩn cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/04/2023 được trình bày trong bảng bên dưới. Giá ở Tokyo áp dụng giá cao hơn tiêu chuẩn được hiển thị trong ngoặc đơn. (Lưu ý rằng thuế suất doanh nghiệp đặc biệt được áp dụng cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp năng lượng hoặc khí đốt và bảo hiểm, những lĩnh vực này không được cung cấp ở đây.)

Thuế kinh doanh đặc biệt của doanh nghiệp là thuế quốc gia nhưng được thu thông qua tờ khai thuế doanh nghiệp.

Bảng 1: Căn cứ tính thuế dự trên vốn góp của doanh nghiệp đạt chuẩn tại Nhật Bản

Căn cứ tính thuế	Vốn góp từ 100 triệu JPY trở xuống	Vốn góp từ trên 100 triệu JPY
Cơ sở giá trị gia tăng	-	1,26
Cơ sở vốn	-	0,525
Cơ sở thu nhập (*)		
4 triệu yên đầu tiên	3,5(3,75)	
4 triệu yên tiếp theo	5,3(5,665)	1,18
Trên 8 triệu yên (**)	7.0(7.48)	
Thuế doanh nghiệp địa phương đặc biệt (tỷ lệ này được nhân với cơ sở thu nhập của thuế doanh nghiệp)	37	260

Nguồn: taxsummaries.pwc.com

(*) Thuế suất trong ngoặc đơn đối với các công ty có vốn góp từ 100 triệu JPY trở xuống phản ánh mức thuế cao hơn tiêu chuẩn, sẽ áp dụng cho trường hợp công ty có thu nhập hằng năm trên 25 triệu JPY hoặc doanh thu hằng năm trên 200 triệu JPY (mặc dù số vốn thấp hơn).

(**) Nếu vốn góp của một công ty dưới 100 triệu JPY nhưng ít nhất là 10 triệu JPY và công ty đó có địa điểm kinh doanh ở hơn hai tỉnh thì không

áp dụng mức thuế suất tăng dần và chỉ áp dụng mức cao nhất được áp dụng.

Thuế cư trú (Inhabitant tax): Thuế cư trú được áp dụng đối với thu nhập của công ty được phân bổ cho từng quận và thành phố. Việc phân bổ thường được thực hiện trên cơ sở số lượng nhân viên, giống như thuế doanh nghiệp. Các mức lãi suất áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/4/2023 được trình bày dưới đây.

Bảng 2: Mức lãi suất áp dụng cho khu vực tỉnh và thành phố tại Nhật Bản

Thuế cư trú	Tỷ lệ tiêu chuẩn (%)	Tỷ lệ tối đa (%)
Khu vực tỉnh	1.0	2.0
Khu vực thành phố	6.0	8.4

Nguồn: taxsummaries.pwc.com

Ngoài những khoản trên, thuế cư trú được áp dụng trên cơ sở bình quân đầu người trong khoảng từ 70.000 yên (trong trường hợp số vốn góp là 10 triệu JPY trở xuống và số lượng nhân viên ở mỗi tỉnh và thành phố từ 50 trở xuống) đến 3,8 triệu JPY (trong trường hợp số vốn góp trên 5 tỷ yên và số lượng nhân viên ở mỗi tỉnh và thành phố trên 50). Số thuế cư trú thực tế sẽ được chính quyền địa phương xác định dựa trên yếu tố vốn góp và số lượng nhân viên.

Thuế suất theo luật định có hiệu lực (Effective

Statutory tax rate): Tổng gánh nặng thuế thu nhập doanh nghiệp (tức là thuế suất hiệu dụng) thay đổi tùy thuộc vào quy mô vốn góp của công ty. Vì thuế doanh nghiệp được khấu trừ nên thuế suất hiệu dụng thấp hơn tổng mức thuế suất theo luật định của thuế doanh nghiệp quốc gia và địa phương, thuế doanh nghiệp và thuế cư dân.

Sau đây là tóm tắt về thuế suất theo luật định có hiệu lực trong trường hợp các tập đoàn hoạt động tại Tokyo (không tính đến thuế doanh nghiệp dựa trên giá trị và vốn):

Bảng 3: Tóm tắt về thuế suất pháp định hiệu quả cho các tập đoàn hoạt động tại Tokyo

	Paid-in capital of JPY 100 million or less	Paid-in capital in excess of JPY 100 million
Corporate tax	23.2%	23.2%
Local corporate tax	2.390% (23.2%x10.3%)	2.390% (23.2%x10.3%)
Enterprise tax	7.48%	1.18%
Special corporate business tax	2.59% (7.0%x37)	2.600% (1.0%x260%)
Inhabitants' tax	2.413% (23.2%x10.3%)	2.413% (23.2%x10.3%)
Total	38.073%	31.783%
Effective Statutory tax rate (*)	34.59%	30.62%

Nguồn: taxsummaries.pwc.com

Cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên thuế suất

Công thức: Thu nhập chịu thuế x Thuế suất = Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ví dụ:

Taxable income	X	Corporation tax rate	=	Corporation tax
¥5,500,000		15%		¥825,000

Miễn giảm: Chế độ miễn giảm thuế của Nhật Bản không căn cứ vào ngành nghề, lĩnh vực kinh

doanh mà chủ yếu áp dụng cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Vị trí của doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp nhỏ khác nhau, đối với doanh nghiệp quy mô lớn có sự phân tách giữa sở hữu và quản lý và doanh nghiệp không phải là đối tượng bảo hộ của Hiến pháp. Sự khác biệt trong lý luận của Hiến pháp là đối xử về thuế khác nhau đối với doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp quy mô nhỏ. Doanh nghiệp có quy mô nhỏ có mức thuế suất thấp và tập trung nhiều hơn trong hoạt động đầu tư.

Một số ưu đãi về thuế mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Nhật Bản được hưởng so với các pháp nhân khác, đó là:

Giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% đối với những pháp nhân có thu nhập hằng năm từ 8 triệu yên trở xuống và 23,2% đối với các pháp nhân có thu nhập hằng năm từ 8 triệu yên trở lên. Doanh nghiệp vừa và nhỏ ở đây là các tập đoàn có vốn đầu tư từ 100 triệu yên trở xuống. Tuy nhiên, những công ty con thuộc sở hữu hoàn toàn của các công ty lớn sẽ không được giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ngay cả khi có vốn điều lệ dưới 100 triệu yên.

Quy định đặc biệt đối với tài sản có thể khấu hao nhỏ: Thông thường, khi mua một tài sản có giá mua từ 100.000 yên trở lên thì tài sản đó sẽ được tính khấu hao. Khấu hao không được ghi nhận như một khoản chi phí ngay trong năm mua mà được

phân bổ và ghi nhận trong nhiều năm. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp vừa và nhỏ mua tài sản với giá mua từ 100.000 yên đến dưới 300.000 yên trước ngày 31/3/2020 thì có một điều khoản đặc biệt cho phép doanh nghiệp đó khấu trừ ngay toàn bộ số tiền đó dưới dạng chi phí, tổng cộng lên tới 3 triệu yên. Ví dụ, nếu doanh nghiệp A mua một tài sản cố định từ 300.000 yên trở xuống trong một năm. Khi thu nhập của doanh nghiệp A có khả năng tăng lên, doanh nghiệp có thể ghi nhận toàn bộ chi phí mua là khoản khấu trừ trong năm đó, giúp điều chỉnh giảm thu nhập và giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Hoàn trả tổn thất

Nếu doanh nghiệp có lãi trong năm tài chính trước và thua lỗ trong năm tài chính hiện tại, doanh nghiệp có thể yêu cầu hoàn lại thuế doanh nghiệp đã nộp trong năm tài chính trước đó. Số tiền thuế doanh nghiệp có thể yêu cầu hoàn lại được tính bằng công thức sau:

$$\text{Số thuế được hoàn} = \text{Số thuế TNDN kỳ trước} - \text{Số lỗ kỳ này} - \text{Số thu nhập kỳ trước}$$

Quy định đặc biệt về thuế chi phí giải trí

Theo nguyên tắc chung, chi phí giải trí mà một công ty phải chịu không thể được ghi nhận là chi phí hợp lý để khấu trừ thuế. Tuy nhiên, các doanh nghiệp vừa và nhỏ được phép khấu trừ tới 8 triệu yên mỗi năm hoặc 50% chi phí giải trí và ăn uống dưới dạng chi phí hợp lý.

Có thể nói rằng, đối với Nhật Bản, quy mô doanh nghiệp chính là căn cứ cơ bản để thực hiện miễn giảm thuế, căn cứ này cũng thể hiện mục tiêu phát triển kinh tế đảm bảo sự công bằng trong phát triển. Trong khi đó, Việt Nam dựa trên tiêu chí lĩnh vực và địa bàn kinh doanh là hướng để tiếp cận ưu đãi thuế.

Quy định thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Kỳ hạn để nộp tờ khai thuế là trong vòng 02 tháng kể từ ngày liền sau ngày mà tháng thứ 6 của năm kinh doanh trôi qua. Doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế cho Cục trưởng Cục thuế khu vực kèm với các tài liệu kế toán liên quan.

Gia hạn thời gian nộp thuế

Các doanh nghiệp thuộc trường hợp được gia hạn thời gian nộp thuế trừ trường hợp gặp thiên tai thì phải được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập để giải trình được lý do không thể tiến hành quyết toán đúng hạn.

Công tác nộp thuế

Việc khai và nộp thuế điện tử đã được áp dụng từ rất lâu và trở thành phương pháp phổ biến trong việc khai và nộp thuế, do đó, việc hướng dẫn kê khai thuế và nộp thuế điện tử cũng xuất hiện ở

hiều website của cả cơ quan thuế và tư nhân. Hơn nữa, khai và nộp thuế điện tử còn trở thành dịch vụ mà các công ty kinh doanh dịch vụ khai, nộp thuế điện tử hay ngân hàng có chức năng kinh doanh dịch vụ này quảng bá trên internet và nhiều phương tiện thông tin đại chúng khác.

Thanh tra, kiểm tra

Đối với những trường hợp phát hiện gian lận, trốn thuế có tính chất hình sự, kết thúc cuộc thanh tra, dựa vào những bằng chứng cụ thể đã thu thập được trong quá trình thanh tra, cơ quan thanh tra thuế sẽ ra một kết luận về việc gian lận thuế, trốn thuế của doanh nghiệp.

Cán bộ thuế

Nhân viên thuế khi tuyển mới, cho dù chưa biết nghiệp vụ sổ sách kế toán, sẽ bắt buộc đào tạo tại Trường Đại học Thuế vụ trong vòng 13 tháng để trở thành một chuyên viên thuế làm việc thực tế thực thụ. Một cán bộ thuế phải mất từ 3 - 5 năm để có thể đỗ kỳ thi có vấn thuế. Nếu không tham gia thi kỳ thi này thì một người phải công tác trong cơ quan thuế trong vòng 23 năm mới có tư cách tương tự như người đỗ kỳ thi có vấn thuế.

3. Bài học kinh nghiệm cho việc nâng cao tình hiệu quả của thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam

3.1. Bài học về xây dựng pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp

Về chủ thể có nghĩa vụ nộp thuế

Đánh thuế đối với tổ chức phi lợi nhuận. Pháp luật Việt Nam cần công nhận nghĩa vụ nộp thuế của tổ chức phi lợi nhuận. Căn cứ xác định nghĩa vụ nộp thuế là hoạt động tạo ra lợi nhuận của tổ chức phi lợi nhuận. Ngoài ra, cần quy định các loại hình tổ chức đặc thù đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Về mặt tài chính, tổ chức phi lợi nhuận được pháp luật thừa nhận hoạt động theo đúng mục tiêu, tôn chỉ và phát triển phù hợp với các thiết chế xã

hội, luật pháp của các nước quy định và điều chỉnh các quan hệ về kinh tế, tài chính giữa các tổ chức với thành viên, quan hệ với các đối tác nước ngoài, giữa các tổ chức với các nhà tài trợ, giữa tổ chức với các thành viên trong xã hội được thụ hưởng dịch vụ hoặc lợi ích nhất định do các tổ chức thực hiện. Pháp luật thuế cũng có những quy định rất chặt chẽ để kiểm soát cả các tổ chức phi lợi nhuận và các nhà tài trợ nhằm ngăn ngừa các hành vi lạm dụng quyên góp.

Từ đó có thể thấy được vai trò không nhỏ của các tổ chức phi lợi nhuận, và việc quy định cụ thể về chủ thể có nghĩa vụ nộp thuế này cũng là cần thiết và phù hợp với chuyển biến tình hình xã hội hiện nay.

Đánh thuế đối với công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân: Theo Luật Doanh nghiệp thì công ty hợp danh có tư cách pháp nhân nhưng các thành viên hợp danh lại chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ của công ty. Còn doanh nghiệp tư nhân thì không thể xác định được chính xác thu nhập của doanh nghiệp do sự phân tách sở hữu và điều hành trong doanh nghiệp, sự phân tách giữa tài sản của doanh nghiệp và tài sản của cá nhân không rõ ràng. Bởi vậy, cần thiết phải tạo ra cơ sở pháp lý cho phép lựa chọn kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc thuế thu nhập cá nhân đối với loại hình doanh nghiệp là công ty hợp danh chỉ tồn tại thành viên hợp danh, và doanh nghiệp tư nhân có hoạt động kinh doanh quy mô nhỏ.

Đánh thuế đối với các đơn vị sự nghiệp: Về nguyên tắc, các đơn vị công lập thực hiện cung cấp dịch vụ công như bệnh viện, cơ sở y tế, trường học, báo chí, nhà xuất bản không bị đánh thuế. Nếu cho rằng chỉ các doanh nghiệp được quy định theo Luật Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp thuế thì điều này là đương nhiên. Nếu căn cứ vào hoạt động tạo ra nguồn thu nhập thì trong nhiều trường hợp cần xem xét việc nguồn thu nhập phát sinh thì các đơn vị sự nghiệp công lập như cơ quan báo chí, đại học công

lập hay bệnh viện... cũng phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

Căn cứ vào mục đích của đơn vị cung cấp dịch vụ công do tổ chức và cá nhân lập ra như trường tư, bệnh viện tư thì cần thiết đánh thuế đối với loại hình tổ chức này. Nếu so sánh mức thu học phí của các cơ sở tự lập có thể thấy chênh lệch lợi nhuận rất lớn. Nên chăng cần quy định ngưỡng chịu thuế đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động thu lợi nhuận của các đơn vị này. Ngoài ra, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp cũng cần đảm bảo tính đồng bộ của pháp luật, xác định cụ thể loại hình doanh nghiệp, tổ chức thực hiện các dịch vụ công hoặc ủy quyền cho Chính phủ chi tiết hóa điều này.

Đánh thuế đối với pháp nhân ủy thác: Cùng với sự phát triển của các loại hình dịch vụ, thì pháp nhân ủy thác cũng là dạng doanh nghiệp hình thành và kinh doanh dịch vụ làm thay những công việc mà các công ty, tổ chức, cá nhân khác ủy thác. Chính vì sự phát triển ngày càng nhiều của loại hình pháp nhân này, nên việc quy định nó là một loại chủ thể nộp thuế một cách cụ thể cũng là điều cần thiết.

Về thu nhập chịu thuế

Việc xác định đúng đắn và hợp lý các khoản thu nhập chịu thuế có ý nghĩa quan trọng trong tạo nguồn thu ngân sách nhà nước và đảm bảo công bằng đối với các doanh nghiệp. Trước đây, trong quy định về thu nhập chịu thuế Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn chưa quy định về nguồn thu nhập từ chênh lệch do đánh giá lại tài sản trong doanh nghiệp. Tuy nhiên, Thông tư 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ra đời đã bổ sung quy định này.

Ở Việt Nam, việc quy định xác định thu nhập chịu thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp chưa có tính hệ thống do tình hình mua bán, chia tách, hợp nhất, sáp nhập công ty chủ yếu diễn ra giữa công ty mẹ với công ty con, không phát sinh thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, trước tình hình hiện nay, việc mua bán công ty có thể diễn ra giữa

các doanh nghiệp không liên quan đến nhau, giữa doanh nghiệp nước ngoài với doanh nghiệp trong nước, nên việc xây dựng khung pháp lý cụ thể cho việc xác định thu nhập chịu thuế đối với trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp là cần thiết để đáp ứng tình hình hiện nay.

Về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Hiện nay, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp đã sửa đổi nhưng cũng cần xem xét quy định phù hợp hơn về ưu đãi thuế có phân biệt doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ và doanh nghiệp quy mô lớn bởi doanh nghiệp có quy mô lớn và lợi thế cạnh tranh có thương hiệu thì dễ dàng hơn trong việc bù đắp chi phí, trong khi đó, doanh nghiệp vừa và nhỏ lại không có điều kiện như vậy. Có hai cách để quy định ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một là, nói lỏng quy định về chi phí hợp lý, chẳng hạn cho phép doanh nghiệp vừa và nhỏ được khấu trừ chi phí quảng cáo, khuyến mại nhiều hơn so với doanh nghiệp có quy mô lớn với mức trên 10%. Hai là, quy định mức thuế suất áp dụng thấp hơn thuế suất thông thường.

Quy định mức thuế suất ưu đãi đối với doanh nghiệp mới thành lập thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, thể thao, văn hóa, công nghệ cao với mức thuế suất 10% là hợp lý, tuy nhiên, cần quy định thời hạn miễn thuế dài hơn 4 năm. Các doanh nghiệp được thành lập đều nhằm mục đích kinh doanh, tuy nhiên cần tính toán việc miễn thuế và ưu đãi thuế khác dài hơn nhìn từ góc độ đảm nhận trách nhiệm đối với xã hội của doanh nghiệp, việc doanh nghiệp đầu tư cũng chính là giảm bớt gánh nặng đầu tư của Nhà nước.

3.2. Bài học về tổ chức thực thi pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thuế

Giải pháp then chốt đó là phải nâng cao được trình độ, năng lực, kỹ năng nghiệp vụ của cán bộ trong toàn ngành. Cụ thể:

- Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ cho từng loại cán bộ thực hiện từng chức năng quản lý thuế.

- Rà soát việc phân bổ nguồn lực thực hiện các chức năng quản lý thuế toàn Ngành, đánh giá phân loại công chức theo trình độ, thâm niên công tác... Cơ cấu lại đội ngũ công chức, đảm bảo tập trung nguồn lực thực hiện các chức năng quản lý thuế chủ yếu theo hướng: cán bộ tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế khoảng 25%, cán bộ dữ liệu và xử lý tờ khai thuế và tin học khoảng 15%, cán bộ cưỡng chế thuế khoảng 10%, cán bộ thanh tra khoảng 30%, cán bộ lãnh đạo, quản lý khoảng 10% và cán bộ phục vụ hậu cần khoảng 10%.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngắn, trung, dài hạn cho đội ngũ công chức thuế; xây dựng hệ thống chương trình và giáo trình bồi dưỡng nghiệp vụ thuế phù hợp với từng loại công chức, từng loại hình bồi dưỡng; xây dựng đội ngũ giảng dạy chuyên trách, kiêm nhiệm đủ trình độ đảm đương công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức toàn Cục thuế; xây dựng trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ thuế chính quy hiện đại...

Hoàn thiện công tác thanh tra

Xây dựng và triển khai thực hiện các kỹ năng thanh tra thuế đối với từng trường hợp (thu thập thông tin, đánh giá rủi ro, lập hồ sơ thanh tra, lập chứng cứ, đánh giá sau thanh tra...), bao gồm:

- Xây dựng và triển khai thực hiện kỹ năng phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp trong thanh tra thuế.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kỹ năng sử dụng thông tin kinh tế ngành trong thanh tra thuế.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các ngành có liên quan trong công tác thanh tra thuế: Hải quan, Bộ Tài chính và các cơ quan khác của Chính phủ.

- Xây dựng mô hình và phương pháp cho công tác điều tra thuế đối với các trường hợp gian lận, trốn thuế. Xây dựng chương trình phối hợp điều tra thuế với các ban ngành khác như: công an, tòa án...

Phối hợp xây dựng các phần mềm ứng dụng tin học hỗ trợ công tác thanh tra thuế từ khâu thu thập cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp, chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp để phân tích, đánh giá, xác định mức độ rủi ro phục vụ việc lựa chọn đối tượng thanh tra, lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại cơ quan thuế và triển khai kế hoạch thanh tra tại doanh nghiệp.

Kết luận

Việt Nam, trên lộ trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, vừa phát triển kinh tế đất nước vừa đáp ứng nhu cầu hội nhập với các nước trên thế giới, một trong những vấn đề quan trọng là việc xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật, trong đó pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp có vai trò không nhỏ. Thời gian gần đây, Việt Nam đã và đang có những bước đột phá trên nhiều lĩnh vực đặc biệt là kinh tế, số lượng doanh nghiệp ngày một tăng, loại hình kinh doanh, quan hệ phát sinh trong hoạt động kinh doanh cũng ngày một đa dạng. Nắm bắt được tình hình đó, Nhà nước ta cũng đã tiến hành sửa đổi pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp cho phù hợp, điều chỉnh được những quan hệ pháp luật thuế mới phát sinh. Tuy nhiên, vẫn còn những thiếu sót và những dữ liệu tương lai mà pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp cần hoàn thiện.

Hoàn thiện pháp luật thuế nói chung, hoàn thiện pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng của Việt Nam trước tình hình kinh tế luôn luôn biến động không ngừng là hết sức khó khăn và phức tạp. Nó không thể chỉ là vấn đề đáp ứng những yêu cầu trước mắt mà còn cho những vấn đề lâu dài, sẽ hình thành trong tương lai. Thông qua việc nghiên cứu, so sánh hai hệ thống pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp ở hai nước Việt Nam và Nhật Bản, đã chỉ ra được ngoài những nét tương đồng cơ bản trong một sắc thuế thì hệ thống pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp ở hai nước cũng có nhiều điểm khác nhau. Những điểm khác nhau này do nhiều yếu tố tạo nên trong đó có yếu tố chính trị, kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, thông qua đó cũng giúp cho chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn, cũng

như có những bài học kinh nghiệm mà nước bạn là Nhật Bản đã trải qua trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp để Việt Nam áp dụng vào tình hình thực tế của mình, có những định hướng xây dựng hệ thống pháp luật

về thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn thiện hơn, góp phần tạo môi trường thuận lợi trong sản xuất kinh doanh đồng thời đảm bảo được nguồn thu cho ngân sách nhà nước, phát triển nền kinh tế nước nhà mạnh và bền vững. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2008), Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp;
2. Quốc hội (2013), Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi, bổ sung);
3. Chính phủ (2013), Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi;
4. Bộ Tài chính (2014), Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
5. Chính phủ (2020), Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, Hà Nội;
6. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), Giáo trình Luật Thuế Việt Nam, Nhà xuất bản Công an nhân dân;
7. Học viện Tài chính (2009), Giáo trình Luật Thuế Việt Nam, Nhà xuất bản Tài chính;
8. Tạp chí Tài chính (2022), Chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp: Thực trạng và kiến nghị, <https://tapchitaichinh.vn/chinh-sach-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-thuc-trang-va-kien-nghi.html>;
9. Thư viện pháp luật, Đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, 2023, <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/tu-van-phap-luat/44890/doi-tuong-nop-thue-thu-nhap-doanh-nghiep>;
10. Bộ Tài chính Nhật Bản (2023), 法人課税に関する基本的な資料 (Tài liệu cơ bản về thuế doanh nghiệp), https://www.mof.go.jp/tax_policy/summary/corporation/c01.html;
11. Bộ Tài chính Nhật Bản (2023), 中小法人に対する課税に関する資料 (Tài liệu về thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa) https://www.mof.go.jp/tax_policy/summary/corporation/c03.html;
12. Grancers Lab (2023), 中小企業の税制優遇まとめ (Tổng hợp các ưu đãi về thuế dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ), https://grancers-group.com/articles/sme_taxbenefit01;
13. Worldwide Tax Summaries (2023), Japan Corporate - Taxes on corporate income, <https://taxsummaries.pwc.com/japan/corporate/taxes-on-corporate-income>;
14. International Tax Consulting Office in Japan (2017), Corporate income tax return filing in Japan, <https://shimada-associates.com/en/corporate-income-tax-return-in-japan.html>;
15. Global economic and trade data (2023), Japan Corporate Tax Rate, <https://tradingeconomics.com/japan/corporate-tax-rate>.

Ngày nhận bài: 01/12/2025
Ngày duyệt đăng: 10/12/2025